

Số: 1264/QĐ-SXD

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2018
của Văn phòng Sở Xây dựng

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Xây dựng Ninh Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2018 của Văn phòng Sở Xây dựng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /..

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử SXD;
- Lưu: VT, VP.



Đơn vị: Văn phòng Sở Xây dựng Ninh Thuận.
Chương: 419.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 264/QĐ-SXD ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Sở
Xây dựng tỉnh Ninh Thuận)

ĐV tính: 1.000 đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao bổ sung |
|-------|---|---------------------------|
| A | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 6.000.000 |
| I | Chi hoạt động kinh tế | 6.000.000 |
| 1 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 6.000.000 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các quy hoạch khác | 6.000.000 |

Đơn vị: VĂN PHÒNG SỞ XÂY DỰNG.

Chương: 419.

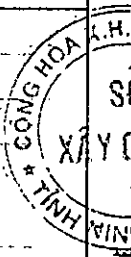


KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số 1264/QĐ-SXD ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: đồng.

| STT | Danh mục | Số tiền phân bổ | Ghi chú |
|-----------|---|----------------------|---------|
| I | Dự án quy hoạch đã được phê duyệt đồ án: | 1.767.528.794 | |
| 1 | Quy hoạch phân khu khu đô thị hai bên bờ Sông Dinh | 89.789.985 | |
| 2 | Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Đông Nam thành phố Phan Rang-Tháp Chàm | 224.290.177 | |
| 3 | Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (tên cũ là Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2014-2020) | 200.000.000 | |
| 4 | Quy hoạch phân khu phát triển khu vực ven Đầm Nai, huyện Ninh Hải | 159.693.250 | |
| 5 | Quy hoạch phân khu khu vực phía Bắc thành phố Phan Rang-Tháp Chàm | 39.804.000 | |
| 6 | Quy hoạch chung xây dựng khu vực Phước Diêm - Cà Ná, huyện Thuận Nam (tên cũ là Quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghiệp Cà Ná) | 292.989.116 | |
| 7 | Quy hoạch tổng thể nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 | 200.000.000 | |
| 8 | Điều chỉnh quy hoạch hệ thống thoát nước thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và các khu vực lân cận | 400.000.000 | |
| 9 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư phục vụ các dự án ODA của tỉnh Ninh Thuận | 115.777.241 | |
| 10 | Điều chỉnh quy hoạch phân khu khu dân cư Bắc Trần Phú thành phố Phan Rang-Tháp Chàm | 45.185.025 | |
| II | Dự án quy hoạch chuẩn bị phê duyệt đồ án: | 3.662.471.206 | |
| 1 | Quy hoạch phân khu khu vực Phước Dinh, huyện Thuận Nam (tên cũ là QH phân khu dải ven biển Phú Thọ, An Hải, Phước Dinh thuộc huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam) | 38.487.291 | |
| 2 | Quy hoạch phân khu phía Nam tỉnh Ninh Thuận (đoạn Mũi Dinh - Cà Ná) | 311.586.500 | |
| 3 | Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Ninh Thuận | 300.000.000 | |



| STT | Danh mục | Số tiền phân bổ | Ghi chú |
|------------|---|----------------------|---------|
| 4 | Điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu dân cư Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm | 400.000.000 | |
| 5 | Quy hoạch phân khu Khu vực phía Tây Bắc thành phố Phan Rang-Tháp Chàm thuộc phường Đô Vinh và xã Thành Hải | 250.000.000 | |
| 6 | Quy hoạch phân khu Khu vực phía Đông Bắc thành phố Phan Rang-Tháp Chàm thuộc phường Văn Hải và phường Đài Sơn | 300.000.000 | |
| 7 | Quy hoạch phân khu phía Tây Nam của Khu quy hoạch khu đô thị Thanh Hải thuộc xã Tri Hải và xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải | 529.885.393 | |
| 8 | Quy hoạch phân khu khu vực phía Bắc Khu quy hoạch đô thị Thanh Hải, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận | 274.486.213 | |
| 9 | Điều chỉnh Quy hoạch phân khu khu dân cư Tây Bắc thành phố Phan Rang-Tháp Chàm | 270.000.000 | |
| 10 | Quy hoạch chung xây dựng khu vực phía Nam huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận | 388.025.809 | |
| 11 | Quy hoạch chi tiết 1/500 khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Cà Ná | 600.000.000 | |
| III | Dự án quy hoạch mở mới: | 570.000.000 | |
| 1 | Quy hoạch phân khu xây dựng hai bên đập hạ lưu Sông Dinh | 340.000.000 | |
| 2 | Điều chỉnh quy hoạch thăm dò khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường giai đoạn 2017-2020 | 130.000.000 | |
| 3 | Chi phí lập thiết kế đô thị trục đường Yên Ninh | 100.000.000 | |
| | Tổng cộng | 6.000.000.000 | |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Sáu tỷ đồng.